SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Thời gian ký: 2026-11-03T09:32:21+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 229/GPMT-UBND	*Đồng Tháp, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I tại Văn bản số 115/2026/GPMT- I.D.I ngày 28 tháng 10 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 16394/TTr-SNN&MT ngày 02 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, địa chỉ tại Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Vàm Cống có địa chỉ tại Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

a) Tên cơ sở: Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Vàm Cống.

b) Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 0303141296 đăng ký lần đầu ngày 15/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 23/09/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

d) Mã số thuế: 0303141296

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Vàm Cống gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư được phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Ngành nghề được phép thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	C1020
2	Sản xuất dầu, mỡ động vật (sản xuất dầu ăn từ mỡ cá)	C10401
3	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	C10800
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)	H52102
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	H52109
6	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36000
7	Thoát nước và xử lý nước thải	E3700

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích: 18,66 ha.

- Nhóm cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): cơ sở tương đương với dự án đầu tư thuộc nhóm B.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa, đổi bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Lấp Vò;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP Trần Văn Toàn, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 229 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân, nhà ăn và căn tin tập thể của toàn bộ cán bộ, công nhân viên làm việc tại các nhà máy và khu điều hành Cụm công nghiệp Vàm Cống.

- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của các nhà máy trong Cụm công nghiệp Vàm Cống (bao gồm: Nhà máy Chế biến Đông lạnh Xuất khẩu Thủy sản Đa Quốc Gia, Nhà máy Chế biến Đông lạnh Xuất khẩu Thủy hải sản Sạch, Nhà máy Chế biến Phụ phẩm Trisedco, Nhà máy Tinh luyện Dầu ăn và Nhà máy Chế biến Thủy sản Hoa Kỳ).

- Nguồn số 03: phát sinh từ hoạt động rửa bồn lọc áp lực định kỳ của Trạm xử lý nước cấp tập trung Cụm công nghiệp Vàm Cống (công suất 4.800 m3/ngày đêm).

2. Dòng nước thải đấu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Hậu.

- Vị trí xả nước thải: ven bờ sông Hậu, Cụm công nghiệp Vàm Cống, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1143025; Y = 553620 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°).

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 4.150 m^3/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt, ven bờ.

- Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ/ngày đêm).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2025/BTNMT, cột A (F>2.000 m^3/ngày)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng đầu vào	m^3/giờ	-	Miễn quan trắc định kỳ	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Lưu lượng đầu ra	m^3/giờ	-		
3	pH	-	6 -9		
4	Nhiệt độ	^0C	≤ 40		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 30		
6	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 60		
7	Amoni (NH_4^+), tính theo N	mg/L	≤ 5		
8	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20^0C)	mg/L	≤ 30	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
9	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 20		
10	Tổng phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 4		
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 5		
12	Tổng Coliforms	MPN/ 100mL	≤ 3.000		
13	Clo dư	mg/L	≤ 1		
14	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 1		
15	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05		
16	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2		
17	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 → Xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ → Xả vào mạng lưới thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02 → Bể gom/hố ga gom nội bộ của từng nhà máy → Bơm dẫn qua đường ống PVC/HDPE → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03 → Dẫn bằng đường ống uPVC → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung gồm Module 1 hiện hữu công suất 3.000 m^3/ngày đêm và Module 2 mở rộng công suất 1.150 m^3/ngày đêm.

siêu nông → Bể trung gian 1 → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 2 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng (1).

+ Module 2: Nước thải → Mương tách mỡ, tách rác → Lược rác tinh → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể trung gian 2 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa nông → Bể trung gian 1 → Bể sinh học kỵ khí UASB → Bể trung gian 1 → Bể sinh học

+ Module 2: Nước thải → Mương tách mỡ, tách rác → Lược rác tinh → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Thiết bị trộn tĩnh → Bể tạo bông → Tuyển nổi siêu nông → Bể trung gian 1 → Bể sinh học kỵ khí UASB → Bể trung gian 1 → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể chứa sau lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng (2).

+ (1), (2) → Mương quan trắc nước thải tự động → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 4.150 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Chlorine, PAC, Polymer Anion, Polymer Cation.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục với thông tin sau:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, COD, TSS, Nhiệt độ và Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt camera giám sát trực tuyến.

- Dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được kết nối và truyền trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải;

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho trạm xử lý nước thải như máy bơm, bơm định lượng;

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải;

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố; thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố. Trường hợp sự cố kéo dài thì Chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

đ) Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Vàm Cống.

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn tiếp nhận đầu vào (Tiêu chuẩn đấu nối)
1	pH	-	6 – 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)	mg/L	2.500
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	3.500
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	1.000
5	Amoni ($N\text{-}NH_4^+$), tính theo N	mg/L	200
6	Tổng Nitơ (TN)	mg/L	250
7	Tổng Phốt pho (TP)	mg/L	150
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	200
9	Clo dư	mg/L	2

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Giai đoạn 1: Vận hành thử nghiệm Module 1 hiện hữu (công suất 3.000 m^3/ngày đêm) bắt đầu từ tháng 11/2026 và kết thúc vào tháng 05/2027.

- Giai đoạn 2: Vận hành thử nghiệm cả 02 Module (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải lên 4.150 m^3/ngày đêm) bắt đầu từ tháng 06/2027 và kết thúc vào tháng 12/2027.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải Module 1 hiện hữu (công suất 3.000 m^3/ngày đêm) và hệ thống xử lý nước thải cả 02 Module (công suất 4.150 m^3/ngày đêm).

c) Vị trí lấy mẫu, chỉ tiêu phân tích và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Giai đoạn / Hạng mục	**Vị trí lấy mẫu**	**Chỉ tiêu phân tích**	**Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**
Giai đoạn 1: Vận hành thử nghiệm Module 1 (Công suất 3.000 m^3/ngày đêm	X = 1143025; Y = 553620 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°)	Theo bảng chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận của phần A Phụ lục này	Theo bảng chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận của phần A Phụ lục này
Giai đoạn 2: Vận hành thử nghiệm cả 02 Module (Công suất 4.150 m^3/ngày đêm)	X = 1143025; Y = 553620 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°)	Theo bảng chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận của phần A Phụ lục này	Theo bảng chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận của phần A Phụ lục này

d) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và khoản 1 Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

b) Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 229 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: khu vực máy phát điện.
- Nguồn số 02: khu vực xử lý nước cấp.
- Nguồn số 03: khu vực xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

b) Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch bảo trì toàn bộ máy móc, thiết bị để luôn hoạt động ở tình trạng tốt, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây ra. Thay mới máy móc, thiết bị khi xuống cấp, không còn đảm bảo yêu cầu.

- Lắp đặt đệm chống rung tại các điểm tiếp xúc giữa máy móc, thiết bị và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 229 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 680 kg/năm.

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 16.584.500 kg/năm.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 993,6 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho lưu chứa: 30 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho chứa lợp tôn, nền đổ bê tông chống thấm, có bờ bao phòng ngừa sự cố rò rỉ ra môi trường. Khu vực tập kết có lắp đặt biển báo và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy đảm bảo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí kho lưu chứa bùn thải có diện tích: 50 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: thiết kế có cửa đóng kín, nền cao chống nước mưa tạt vào, có thiết kế gờ chống tràn, có bố trí rãnh thu gom nước rỉ về bể thu gom nước thải. Khu lưu giữ chất thải có lắp đặt biển báo đảm bảo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt (bố trí tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 229 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường của cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường: xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung với Module 2 công suất 1.150 m^3/ngày.đêm.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,... ./.